Biểu 10/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021 CỦA HUYỆN CHÂU THÀNH

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng (ha)	Sử dụng vào loại đất											Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
					LUC	HNK	CLN	NTS	DGD	DYT	ONT	ODT	TSC	NTD	SON					
A	**Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**																			
I	**Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh**																			
I.1	**Đất quốc phòng**																			
1	Đất quốc phòng huyện Châu Thành	0,06		0,06	0,06											Xã Long Hòa	huyện Châu Thành	Quyết định số 3390/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh	Ngân sách TW	Đăng ký mới
II	**Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**																			
II.1	**Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất**																			
II.2	**Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất**																			
II.3	**Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**																			
II.3.1	**Đất cụm công nghiệp**																			
1	Cụm công nghiệp Tân Ngai, huyện Châu Thành	21,12		21,12	20,60		0,52									Xã Lương Hòa A	tờ 27, ấp Tân Ngai	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
II.3.2	**Đất giao thông**																			
1	Đường tỉnh 915B, giai đoạn 2, tỉnh Trà Vinh	32,53	21,60	10,93	7,96	0,23	2,28	0,18			0,02			0,24	0,02	Xã Hòa Thuận; Xã Hưng Mỹ; Xã Phước Hảo	huyện Châu Thành	Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh	Ngân sách tỉnh và ngân sách TW	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
2	Đường DM thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành	1,60		1,60	1,00		0,60									TT.Châu Thành	Tờ 7, 10, 15	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	Đăng ký mới
3	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành	10,06	2,56	7,50	1,00		6,40					0,10				TT.Châu Thành	TT.Châu Thành	Quyết định số 3374/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh	Ngân sách TW và ngân sách tỉnh	Đăng ký mới
4	Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 10, huyện Châu Thành	5,18	3,12	2,06	0,50	0,32	1,12				0,05			0,07		Xã Hòa Thuận	Xã Hòa Thuận	Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	Đăng ký mới
5	Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 911 (Thạnh Phú - Thanh Mỹ)	5,25	4,07	1,18	0,75		0,40				0,03					Xã Song Lộc	huyện Châu Thành	QĐ số 3141/QĐ-UBND ngày 01/09/2020 của UBND tỉnh	Ngân sách TW	Đăng ký mới
6	Đường kết nối cầu Chong Văng - Quốc lộ 54, huyện Cầu Ngang, Châu Thành	0,46		0,46	0,46											Xã Mỹ Chánh	huyện Châu Thành	QĐ số 3130/QĐ-UBND ngày 01/09/2020 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	Đăng ký mới
7	Đường kết nối Quốc lộ 53 với đường cây ăn trái	0,79	0,38	0,41	0,27		0,13				0,01					Xã Nguyệt Hóa	huyện Châu Thành	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh	Ngân sách tỉnh và ngân sách TW	Đăng ký mới
8	Hạ tầng giao thông kết nối Trung tâm thành phố Trà Vinh, huyện Châu Thành, Càng Long với Quốc lộ 60 và Quốc lộ 53 (giai đoạn 2)	5,11	5,11													huyện Châu Thành	huyện Châu Thành	CV số 3995/UBND-CNXD ngày 01/10/2020 và CV số 3801/UBND-CNXD ngày 18/09/2020 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh và ngân sách TW	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng (ha)	Sử dụng vào loại đất											Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
					LUC	HNK	CLN	NTS	DGD	DYT	ONT	ODT	TSC	NTD	SON					
II.3.3	**Đất năng lượng**																			
1	Phân pha dây dẫn ĐD 110 kV Vũng Liêm - Trà Vinh	0,04		0,04	0,02		0,01				0,01					Xã Nguyệt Hóa	ấp Sóc Thát	NQ 45/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh	Vốn EVN	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
2	Đường dây 2 mạch từ trạm 220 kV Trà Vinh 2 - trạm 110 kV Cầu Kè	0,24		0,24	0,10	0,05	0,07				0,02					Xã Lương Hòa, Xã Song Lộc	huyện Châu Thành	NQ 45/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh	Vốn EVN	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
3	Cải tạo nâng tiết diện dây phân pha từ ACSR240 thành 2 ACSR240 từ Trà Vinh đi Duyên Hải (Duyên Trà)	0,12		0,12	0,08		0,04									Xã Đa Lộc, Xã Mỹ Chánh	huyện Châu Thành	Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Đăng ký mới
B	**Công trình, dự án cấp huyện**																			
I	**Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**																			
I.1	**Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**																			
1	Trạm cấp nước sạch ấp Cồn Chim	0,59		0,59	0,59											Xã Hòa Minh	thửa 1278, 1279, 1280, 1086 tờ 3	NQ 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
2	Trạm cấp nước sạch ấp Cồn Phụng	0,40		0,40	0,40											Xã Long Hòa	Thửa 277 tờ 3	NQ 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
3	Trạm cấp nước sạch Cồn Cò	0,60		0,60	0,60											Xã Hưng Mỹ	thửa 52, 125, 49 tờ 27	NQ 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
4	Nhà máy sản xuất nước sạch Nguyệt Hóa	0,90		0,90	0,90											Xã Nguyệt Hóa	Tờ 25, thửa 395,208,232, 404,417,398	Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh	Vốn nhà đầu tư	Đăng ký mới
5	Trạm cấp nước xã Song Lộc	0,97		0,97	0,05		0,92									Xã Song Lộc	Tờ 26, 1 phần thửa 11, 16, 72, 32	NQ 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 của HĐND tỉnh	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
I.2	**Đất thương mại - dịch vụ**																			
1	Khu du lịch sinh thái kết hợp văn hóa Trà Vinh	3,37		3,37	0,60		2,71	0,06								Xã Lương Hòa	Tờ 31, ấp Ba Se A	UBND huyện thống nhất tại Công văn số 3796/UBND-NN ngày 06/10/2020	Vốn Doanh nghiệp	Đăng ký mới
2	Cửa hàng Vật liệu xây dựng Hưng Phát Đạt	0,24		0,24	0,07		0,14				0,03					Xã Lương Hòa	Tờ 37, thửa 423, 424, 394, 425, 380, 381,382, 384, 369, 370	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh	Vốn Doanh nghiệp	Đăng ký mới
I.3	**Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**																			
1	Bồi thường, giải phóng mặt bằng mở rộng Trường Mẫu giáo Hoa Sen, xã Lương Hòa (điểm Bót Chếch)	0,15		0,15	0,15											Xã Lương Hòa	Tờ 19, 1 phần thửa 1118	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
2	Bồi thường, giải phóng mặt bằng mở rộng Trường Trung học phổ thông Hòa Lợi	0,70		0,70	0,70											Xã Hòa Lợi	Tờ 53, thửa 83,84, 85, 1 phần thửa 46, 64,55	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh	Ngân sách huyện	Đăng ký mới
I.4	**Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao**																			
1	Sân vận động xã Nguyệt Hóa	0,60		0,60		0,04	0,51				0,05					Xã Nguyệt Hóa	Tờ 11	NQ 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019	Nông thôn mới	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
2	Sân vận động xã Lương Hòa	0,56		0,56	0,34		0,22									Xã Lương Hòa	thửa 104, 122 tờ 31	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh	Nông thôn mới	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng (ha)	Sử dụng vào loại đất											Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặt vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
					LUC	HNK	CLN	NTS	DGD	DYT	ONT	ODT	TSC	NTD	SON					
I.5	**Đất chợ**																			
1	Chợ Sam Bua	0,003	0,003													Xã Lương Hòa	thửa 816, tờ 39		Ngân sách huyện	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
I.6	**Đất thủy lợi**																			
1	Trạm bơm điện Triền 1	0,03		0,03	0,03											Xã Hòa Lợi	Tờ 53, thửa 761	QĐ số 3617/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh	Ngân sách nhà nước	Đăng ký mới
I.7	**Đất xây dựng trụ sở cơ quan**																			
1	Trụ sở làm việc Kho bạc nhà nước Châu Thành, Trà Vinh	0,33		0,33	0,27		0,06									TT. Châu Thành	Tờ 11, thửa 61, 201	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh	Ngân sách TW	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
I.8	**Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng**																			
1	Nghĩa trang nhân dân xã Song Lộc	0,57		0,57			0,57									Xã Song Lộc	Tờ 48, thửa 467	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh	Ngân sách	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
I.9	**Đất sinh hoạt cộng đồng**																			
1	Nhà văn hoá ấp Ba Tiêu	0,04		0,04			0,04									Xã Đa Lộc	Tờ 46, Thửa 259	Nông thôn mới	Nông thôn mới	Đăng ký mới
II	**Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất**																			
II.1	**Đất trồng cây lâu năm**																			
II.3	**Đất nông nghiệp khác**																			
II.4	**Đất thương mại - dịch vụ**																			
1	Cửa hàng xăng dầu Minh Đức 1	0,12		0,12	0,12											Xã Lương Hòa A	thửa 50, 37 tờ 19		Vốn Doanh nghiệp	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
2	Đất thương mại - dịch vụ	0,06		0,06			0,06									Xã Lương Hòa A	thửa 203 tờ 20		Vốn Doanh nghiệp	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
3	Đất thương mại - dịch vụ	0,04		0,04	0,02		0,02									Xã Mỹ Chánh	thửa 975, 894 tờ 50		Vốn Doanh nghiệp	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
4	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và nhớt của DNTN Nguyễn Tuyền	0,15		0,15		0,12	0,03									Xã Nguyệt Hóa	thửa 112, 410 tờ 17		Vốn Doanh nghiệp	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
5	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Minh Hớn 6	0,10		0,10	0,10											Xã Nguyệt Hóa	thửa 519 tờ 32		Vốn Doanh nghiệp	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
6	Phòng làm việc công ty du lịch	0,11		0,11					0,11							Xã Hòa Minh	thửa 1003, tờ 3		Vốn Doanh nghiệp	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020
7	Đất thương mại - dịch vụ	0,30		0,30			0,30									Xã Nguyệt Hóa	Tờ 26, thửa 369		Vốn Doanh nghiệp	Đăng ký mới
8	Cửa hàng xăng dầu Mỹ Chánh	0,15		0,15			0,15									Xã Mỹ Chánh	Tờ 59, thửa 994, 995, 503,539		Vốn Doanh nghiệp	Đăng ký mới
9	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa 55 tờ 16	0,11		0,11									0,11			TT.Châu Thành	Tờ 16, thửa 55			Đăng ký mới
II.5	**Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**																			
1	Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ sinh học, vi sinh và nông trại hữu cơ	0,93		0,93		0,13	0,16				0,64					Xã Đa Lộc	tờ 12, thửa 130; tờ 13 thửa 67, thửa 162		Vốn Doanh nghiệp	Chuyển tiếp KHSDĐ năm 2020

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng (ha)	Sử dụng vào loại đất											Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
					LUC	HNK	CLN	NTS	DGD	DYT	ONT	ODT	TSC	NTD	SON					
II.6	**Đất ở tại nông thôn**																			
1	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Đa Lộc	1,00		1,00	0,25	0,25	0,50									Xã Đa Lộc				
2	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Mỹ Chánh	1,00		1,00	0,25	0,25	0,50									Xã Mỹ Chánh				
3	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Thanh Mỹ	1,00		1,00	0,25		0,75									Xã Thanh Mỹ				
4	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Lương Hòa A	1,75		1,75	1,00	0,25	0,50									Xã Lương Hòa A				
5	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Lương Hòa	1,75		1,75	1,00	0,25	0,50									Xã Lương Hòa				
6	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Song Lộc	1,00		1,00	0,25	0,25	0,50									Xã Song Lộc				
7	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Nguyệt Hóa	2,00		2,00	1,00	0,50	0,50									Xã Nguyệt Hóa				
8	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Hòa Thuận	2,00		2,00	1,00	0,50	0,50									Xã Hòa Thuận				
9	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Hòa Lợi	1,75		1,75	1,00	0,25	0,50									Xã Hòa Lợi				
10	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Phước Hảo	1,00		1,00	0,25	0,25	0,50									Xã Phước Hảo				
11	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Hưng Mỹ	1,00		1,00	0,25	0,25	0,50									Xã Hưng Mỹ				
12	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Long Hòa	1,00		1,00			0,50	0,50								Xã Long Hòa				
13	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích xã Hòa Minh	1,00		1,00			0,50	0,50								Xã Hòa Minh				
II.7	**Đất ở tại đô thị**																			
1	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa 156 tờ 16	0,01		0,01									0,01			TT.Châu Thành	Tờ 16, thửa 156			Đăng ký mới
2	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa 371 tờ 16	0,02		0,02						0,02						TT.Châu Thành	Tờ 16, thửa 371			Đăng ký mới
3	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa 610 tờ 16	0,13		0,13									0,13			TT.Châu Thành	Tờ 16, thửa 610			Đăng ký mới
4	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa 103 tờ 16	0,22		0,22									0,22			TT.Châu Thành	Tờ 16, thửa 103			Đăng ký mới
5	Dự báo đất ở hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích thị trấn Châu Thành	1,50		1,50	0,25		1,25									TT.Châu Thành				